

GÓI KHÁM SỨC KHỎE NINGEN DOCK LITE

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	NAM	NỮ
I	KHÁM LÂM SÀNG			
1	Khai thác tiền sử + đo chỉ số sinh tồn	Đánh giá sơ bộ để tìm những vấn đề bất thường và khoanh vùng những điểm bác sĩ cần tập trung khám	✓	✓
2	Khám nội chuyên sâu	Xác nhận tình trạng sức khỏe tại thời điểm khám, tìm ra các triệu chứng thực thể và triệu chứng cơ năng của khách hàng	✓	✓
3	Khám chuyên khoa mắt (soi sinh hiển vi và đo thị lực)	Khám và phát hiện bệnh về mắt, tổn thương vùng mắt và quanh mắt	✓	✓
4	Khám chuyên khoa phụ khoa	Kiểm tra và phát hiện các bệnh lý phụ khoa, tầm soát ung thư cổ tử cung, buồng trứng...		✓
5	Khám chuyên khoa Cơ xương khớp	Kiểm tra và phát hiện các bệnh lý về cơ xương khớp	✓	✓
6	Đọc kết quả Chẩn đoán hình ảnh bởi Chuyên gia Chẩn đoán hình ảnh Nhật Bản khi phát hiện có bất thường.	Đảm bảo các kết quả chẩn đoán hình ảnh được đọc, phân tích và đưa ra kết quả chính xác nhất giúp bác sĩ chuyên gia có thể đánh giá và kết luận phù hợp tình hình sức khỏe của khách hàng.	✓	✓
II	XÉT NGHIỆM			
A	Xét nghiệm huyết học			
1	Công thức máu (22 chỉ số)	Cung cấp thông tin về các loại và số lượng tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu trong máu, giúp chẩn đoán tình trạng thiếu máu, nhiễm trùng và nhiều rối loạn khác	✓	✓
2	Nhóm máu ABO Rh • ABO, Rh (D)	Xác định nhóm máu hệ ABO và phân hệ yếu tố RhD (+), RhD (-) để phòng khi cần truyền hoặc cho máu	✓	✓
B	Xét nghiệm sinh hóa			
1	Định lượng Cholesterol	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	✓	✓
2	Định lượng Triglycerid	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	✓	✓
3	Định lượng HDL-C	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	✓	✓
4	Định lượng LDL-C	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	✓	✓
5	Định lượng Glucose	Phát hiện bệnh đái tháo đường, theo dõi điều trị bệnh đái tháo đường	✓	✓
6	Định lượng HbA1c	Đánh giá mức độ kiểm soát đường huyết trước đó 3 tháng, theo dõi điều trị tiểu đường	✓	✓
7	Định lượng Axit uric	Chẩn đoán, theo dõi bệnh Gout, nhiễm khuẩn, thiếu máu ác tính, đa hồng cầu, cường cận giáp trạng...	✓	✓

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	NAM	NỮ
8	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương tế bào gan	✓	✓
9	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	✓	✓
10	Đo hoạt độ GGT	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	✓	✓
11	Định lượng Bilirubin toàn phần	Chẩn đoán, theo dõi và phân biệt các trường hợp vàng da do các nguyên nhân trước, trong và sau gan như: tan huyết, viêm gan, tắc mật...	✓	✓
12	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc cầu thận, giúp phân độ suy thận và chẩn đoán sớm rối loạn chức năng thận từ mức độ nhẹ tới vừa	✓	✓
13	Định lượng Ure máu	Đánh giá chức năng thận và theo dõi các bệnh lý liên quan đến thận	✓	✓
14	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	Đo nồng độ của các chất điện giải bên trong cơ thể, từ đó sàng lọc sự mất cân bằng xảy ra trong máu, mất cân bằng axit - bazo và chức năng thận	✓	✓
15	Định lượng Protein toàn phần	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh, phát hiện một số bệnh như đa u tủy xương, rối loạn protein, tình trạng nhiễm trùng, bệnh tự miễn, các bệnh lý gây mất protein	✓	✓
16	Định lượng Albumin máu	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng liên quan đến chuyển hóa đạm (Protein toàn phần, Albumin): Thiếu dinh dưỡng, rối loạn chức năng gan, suy tim, mang thai, u ác tính, hội chứng thận hư, mất nước, bệnh mô liên kết...	✓	✓
17	Định lượng LDH	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	✓	✓
18	Định lượng Calci máu	Đánh giá chức năng tuyến cận giáp và sự chuyển hoá canxi huyết	✓	✓
19	Định lượng Ferritin	Đánh giá lượng sắt dự trữ của cơ thể	✓	✓
20	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	Đánh giá tình trạng liên quan đến sự khoáng hóa xương, liên quan đến một số gen chịu trách nhiệm về điều hòa sự tăng sinh của tế bào, sự biệt hóa tế bào, miễn dịch...	✓	✓
21	Đông máu cơ bản	Phát hiện, chẩn đoán và xử trí các rối loạn đông cầm máu	✓	✓
22	Định lượng D Dimer	Hỗ trợ chẩn đoán các bệnh lý liên quan đến huyết khối và tăng đông máu bất thường	✓	✓
23	Định lượng CRP	Đánh giá chứng viêm cấp tính liên quan đến các bệnh viêm nhiễm như nhiễm khuẩn, bệnh mô liên kết, bệnh nhồi máu cơ tim, u ác tính...	✓	✓
24	Đo hoạt độ Amylase	Chẩn đoán và theo dõi tình trạng viêm tụy cấp tính hoặc mạn tính và các bệnh lý tụy khác	✓	✓
C	Xét nghiệm miễn dịch			
1	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên	✓	✓
2	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên	✓	✓
3	HBsAb miễn dịch tự động	Kiểm tra nồng độ kháng thể viêm gan B có trong máu, đánh giá khả năng bảo vệ cơ thể và chống lại sự xâm nhập của virus sau khi tiêm phòng	✓	✓
4	HBsAg miễn dịch tự động	Đánh giá tình trạng mắc virus viêm gan B	✓	✓
5	HCV Ab miễn dịch tự động	Phát hiện kháng thể viêm gan C	✓	✓
6	HIV test nhanh	Sàng lọc HIV	✓	✓

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	NAM	NỮ
D	Xét nghiệm miễn dịch các dấu ấn ung thư			
1	Định lượng CEA	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư đại tràng, trực tràng và một số ung thư đường tiêu hóa khác	✓	✓
2	Định lượng CA 19-9	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tụy, đường mật	✓	✓
3	Tầm soát ung thư gan (AFP)	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tế bào gan nguyên phát, ung thư tế bào mầm (tinh hoàn)...	✓	✓
4	Tầm soát ung thư phổi (Cyfra 21-1)	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư phổi	✓	✓
5	Định lượng PSA toàn phần	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tuyến tiền liệt tuyến	✓	
6	Định lượng PSA tự do	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tuyến tiền liệt tuyến	✓	
7	Định lượng CA125	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư buồng trứng, cổ tử cung...		✓
8	Định lượng CA 15-3	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư vú		✓
E	Xét nghiệm nước tiểu			
1	Tổng phân tích nước tiểu (11 thông số)	Sàng lọc và giúp chẩn đoán các tình trạng như nhiễm khuẩn đường tiết niệu, rối loạn thận, bệnh gan, đái tháo đường hoặc các tình trạng trao đổi chất khác	✓	✓
F	Xét nghiệm vi sinh			
1	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin Prep	Tầm soát những tổn thương tiền ung thư và ung thư tại cổ tử cung		✓
2	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo)	Đánh giá tỷ lệ vi khuẩn dịch âm đạo, tìm vi khuẩn, nấm, trichomonas, lậu cầu hay đơn bào gây bệnh thường gặp		✓
3	Làm test Hp (Urease)	Kiểm tra sự xuất hiện của vi khuẩn Helicobacter pylori trong dạ dày, tá tràng	✓	✓
III	THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
1	Đo thính lực	Phát hiện sớm các dấu hiệu mất thính giác đặc biệt do yếu tố tuổi tác để giảm thiểu ảnh hưởng đến sức khỏe	✓	✓
2	Đo chức năng hô hấp	Tầm soát, chẩn đoán và theo dõi bệnh lý đường hô hấp như hen (suyễn), bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, bệnh phổi hạn chế...	✓	✓
3	Điện tim	Chẩn đoán và theo dõi một số bệnh lý tim như rối loạn nhịp tim, nhồi máu cơ tim, bất thường cấu trúc tim...	✓	✓
4	Đo mật độ xương 1 vị trí cột sống thắt lưng	Đo lượng calci và chất khoáng trong xương, kịp thời phát hiện sự giảm khối lượng xương	✓	✓
5	Chụp ảnh đáy mắt	Phát hiện các vấn đề liên quan tổn thương võng mạc như bệnh lý võng mạc đái tháo đường	✓	✓
6	Đo độ khúc xạ	Giúp kiểm tra khả năng nhìn của mắt, đồng thời phát hiện sớm và chính xác tật khúc xạ mà mắt đang mắc phải	✓	✓
7	Soi cổ tử cung	Quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ tổn thương tại cổ tử cung, âm đạo giúp phát hiện sớm các bệnh lý viêm nhiễm, polyp, ung thư cổ tử cung...		✓
8	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản - dạ dày - tá tràng) thông thường	Quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ tổn thương tại đường tiêu hóa trên: thực quản, dạ dày, tá tràng	✓	✓
9	Nội soi đại tràng toàn bộ thông thường	Quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ tổn thương tại đường tiêu hóa dưới: hậu môn, trực tràng, đại tràng toàn bộ đặc biệt trong sàng lọc dấu hiệu ung thư sớm	✓	✓
10	Dịch vụ gây mê nội soi tiêu hóa (trên + dưới)	Tránh được tình trạng buồn nôn, khó chịu trong quá trình nội soi, giảm nguy cơ va chạm mạnh gây chảy máu, thủng, rách hoặc nhiễm trùng cơ quan đường tiêu hóa	✓	✓

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	NAM	NỮ
IV				
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH				
1	Siêu âm ổ bụng tổng quát	Phát hiện, đánh giá được tổn thương ở các cơ quan trong ổ bụng như gan, mật, lá lách, tụy, hệ tiết niệu như thận, bàng quang, niệu quản, hệ sinh dục như tử cung, buồng trứng ở nữ, tuyến tiền liệt ở nam	✓	✓
2	Siêu âm vùng cổ (tuyến giáp, hạch, tuyến nước bọt)	Chẩn đoán các bệnh về tuyến giáp, tuyến nước bọt, hạch bất thường vùng cổ như bướu giáp lan tỏa, viêm, u tuyến giáp, viêm tuyến nước bọt, u tuyến nước bọt, hạch lao, hạch viêm, hạch di căn...	✓	✓
3	Siêu âm tuyến vú hai bên	Kiểm tra khối u hoặc các bất thường khác ở vú bằng cách sử dụng sóng âm tần số cao nhằm tạo ra hình ảnh chi tiết bên trong vú		✓
4	Siêu âm tinh hoàn - Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	Chẩn đoán các bệnh lý ở cơ quan sinh dục nam như viêm mào tinh hoàn, giãn tĩnh mạch thừng tinh hoàn, xoắn tinh hoàn, tràn dịch tinh hoàn, u tinh hoàn...	✓	
5	Siêu âm Doppler tim, màng tim qua thành ngực	Kiểm tra cấu trúc, chức năng tim, phát hiện vấn đề ở tim như hở van tim, thông liên thất, thông liên nhĩ và các dị tật tim bẩm sinh khác	✓	✓
6	Siêu âm Doppler hệ động mạch cảnh - sống nền ngoài sọ	Sàng lọc và chẩn đoán bệnh lý mạch máu như hẹp hệ động mạch cảnh, xơ vữa các động mạch cảnh, đột sống, đánh giá vận tốc dòng máu và các bất thường đường đi cũng như thiếu sản các đốt sống...	✓	✓
7	Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)	Sàng lọc và phát hiện các bệnh lý về tuyến vú và ung thư vú ở giai đoạn sớm		✓
8	Chụp CLVT ngực - bụng tiểu khung kèm đánh giá mỡ nội tạng (không tiêm thuốc cản quang)	Phát hiện các tổn thương của phổi, trung thất, gan, thận, lách, tụy, bàng quang, tiền liệt tuyến, tử cung buồng trứng, các khối u đường tiêu hóa, khối trong và sau phúc mạc, đánh giá lượng mỡ nội tạng	✓	✓
9	Chụp CLVT 128 dãy tính điểm vôi hóa hệ động mạch vành (không tiêm thuốc cản quang)	Đánh giá nguy cơ bệnh lý hẹp mạch vành do vôi hóa các nhánh của động mạch vành gây các triệu chứng của bệnh lý mạch vành như đau ngực...	✓	✓
10	Chụp cộng hưởng từ tầm soát toàn thân	Phát hiện khối bất thường ở sọ não - cột tủy, vùng cổ, trung thất, phổi và màng phổi, thành ngực, các tạng đặc trong ổ bụng, và trong khoang phúc mạc	✓	✓
V				
DỊCH VỤ BÁC SĨ RIÊNG CHĂM SÓC SAU KHÁM				
Quyền lợi lập hồ sơ sức khỏe tổng thể & chăm sóc sức khỏe toàn diện lâu dài				
1	Lập hồ sơ & kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm			
2	Khảo sát tiền sử bệnh tật gia đình, lập cây phả hệ theo dõi các bệnh lý liên quan yếu tố di truyền			
3	Liên tục điều chỉnh kế hoạch chăm sóc theo mức độ cải thiện sức khỏe của khách hàng			
4	Quản lý hồ sơ, lập báo cáo y tế hàng tháng/quý/năm			

	Quyền lợi trực tiếp được sử dụng tại phòng khám (số lần)	
1	Khám định kì/theo dõi sức khỏe với Bác sĩ riêng hoặc Telehealth (*)	2
2	Khám bệnh phát sinh theo yêu cầu tại T-Matsuoka hoặc Telehealth (*)	1
3	Kiểm tra sức khỏe tại nhà với Điều dưỡng/Bác sĩ riêng (*)	1
4	Tham dự các buổi sinh hoạt về y học thường thức, dinh dưỡng, tập luyện, cải thiện sức khỏe. Xua tan gánh nặng, sống chung an toàn với bệnh mãn tính.	2
5	Tư vấn miễn phí, hướng dẫn xử lý tình huống y tế khẩn cấp với BSR/Dược sĩ/ Điều dưỡng qua điện thoại (Bác sĩ sẽ xác nhận có thể đảm bảo yếu tố chuyên môn thông qua tư vấn điện thoại không hay vẫn cần thăm khám trực tiếp)	Không giới hạn số lần
6	Chủ động nhắc nhở lịch chăm sóc sức khỏe (Lịch khám, sử dụng thuốc, tiêm chủng...)	Không giới hạn số lần
7	Chủ động theo dõi, đánh giá thường xuyên các chỉ số liên quan đến sức khỏe theo kế hoạch chăm sóc đã được lập (Qua điện thoại hoặc các lần thăm khám)	Không giới hạn số lần
8	Lập hồ sơ gửi các chuyên gia đầu ngành/ bác sĩ chuyên khoa khi có chỉ định thăm khám điều trị chuyên sâu nội/ngoại trú	Không giới hạn số lần
GIÁ GÓI (VND)		53.000.000

[*] Phát sinh các lần tiếp theo được giảm 10% so với giá niêm yết

Phụ phí đi lại của Bác sĩ, Điều dưỡng đến thăm khám tại nhà:

Từ 10 - 20 km phụ phí đi lại là 300,000 VND; Từ 20km - 30km phụ phí đi là 500.000 VND